

**DANH MỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ TỪ
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009**

Chuyên khảo Cấu trúc tuổi, Giới tính và Tình trạng hôn nhân

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
1. Vài đặc điểm của số liệu điều tra mẫu năm 1989, 1999, 2009	Thời điểm; tổng số hộ; tổng số người; tỷ lệ chọn mẫu	1989, 1999, 2009
2. Các chỉ số Whipple, Myer và chỉ số chính xác tuổi- giới tính của Liên hợp quốc (UNI), Việt Nam 1979-1999	Giới tính; vùng	1979, 1989, 1999
3. Chỉ số Myer tổng hợp và chữ số ưa thích trong khai báo tuổi của các cuộc Tổng điều tra dân số ở Việt Nam: 1989-2009		
4. Số trẻ em 0, 1-4, thu thập được trong Tổng điều tra và số trẻ em sinh ước tính theo mức độ sinh trong 5 năm trước thời điểm điều tra	nhóm Tuổi; dân số ước tính; dân số theo điều tra; phần trăm khác biệt; giới tính	2009
5. So sánh dân số từ 60 tuổi trở lên đăng ký được trong Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009 với dân số ước tính	Tuổi; dân số ước tính; dân số theo điều tra; phần trăm khác biệt; giới tính	2009
6. Cấu trúc tuổi của dân số theo từng giới, Việt Nam, 2009	Giới tính; nhóm tuổi	2009
7. Thay đổi cấu trúc tuổi của trẻ em, Việt Nam, 1979-1999	Nhóm tuổi; số lượng trẻ em; phần trăm so với tổng số dân	1979, 1989, 1999, 2009
8. Tỷ trọng dân số theo nhóm tuổi và tỷ số phụ thuộc, chỉ số già hóa ở Việt Nam, 1979-2009	Nhóm tuổi; tỷ số phụ thuộc trẻ; tỷ số phụ thuộc già; tổng tỷ số phụ thuộc; tỷ số già hóa 65+; tỷ số già hóa 60+	1979, 1989, 1999, 2009
9. Tỷ số giới tính theo nhóm tuổi, Việt Nam, 1979-2009	Nhóm tuổi	1979, 1989, 1999, 2009
10. Tỷ trọng dân số các nhóm tuổi, tỷ số phụ thuộc, chỉ số già hóa và tỷ số giới tính của 10 dân tộc chủ yếu, Việt Nam, 2009	Tỷ trọng dân số; nhóm tuổi; chỉ số già hóa; tỷ số phụ thuộc, tỷ số giới tính; 10 dân tộc có dân số lớn nhất	2009
11. Số người di cư giữa các xã trong 5 năm trước Tổng điều tra dân số năm 2009 chia theo giới tính và nhóm tuổi	Giới tính; nhóm tuổi	2009

Tên chỉ tiêu		Phân tổ	Độ dài thời gian
12.	Số người di cư liên huyện trong 5 năm trước tổng điều tra dân số 01/4/2009	Giới tính; nhóm tuổi	2004
13.	Số người di cư liên tỉnh trong 5 năm trước tổng điều tra dân số 01/4/2009	Giới tính; nhóm tuổi	2004
14.	Số người mắc khuyết tật chia theo dạng khuyết tật, Việt Nam, 2009	Dạng khuyết tật; giới tính; nhóm tuổi	2009
15.	Tỷ lệ phần trăm mắc khuyết tật theo mức độ và tuổi ở Việt Nam, 2009	Dạng khuyết tật; mức độ khó khăn; nhóm tuổi	2009
16.	Dự báo số sinh và CBR, Việt Nam 2014-2059	Số sinh (nghìn người); CBR(phần nghìn)	Từ 2014-2059
17.	Quy mô hộ trung bình ở Việt Nam qua các năm 1989, 1999, 2009	Khu vực	1989,1999,2009
18.	Phân bố quy mô hộ gia đình ở Việt Nam năm 2009	Quy mô hộ; vùng; khu vực	2009
19.	Tỷ lệ hộ độc thân ở Việt Nam 1989, 1999, 2009	Khu vực; tỷ lệ hộ độc thân; tỷ lệ hộ độc thân là người già (65+)	1989,1999,2009
20.	Giới tính người độc thân ở Việt Nam 1989, 1999, 2009	Giới tính; khu vực	1989,1999,2009
21.	Tỷ lệ hộ có người độ tuổi phụ thuộc ở Việt Nam 1989, 1999, 2009	Khu vực; tỷ lệ phụ thuộc không, 100% và ít nhất 50% số người phụ thuộc	1989,1999,2009
22.	Giới tính chủ hộ ở Việt Nam năm 1989, 1999, 2009	Khu vực; giới tính	1989,1999,2009
23.	Tuổi trung bình của chủ hộ năm 1989, 1999, 2009	Khu vực; giới tính	1989,1999,2009
24.	Tình trạng hôn nhân của chủ hộ năm 1989, 1999, 2009	Khu vực; tình trạng hôn nhân	1989,1999,2009
25.	Kết quả phân tách tỷ suất chủ hộ thô các năm 1989, 1999, 2009	H/P; H/FE; FE/FM; FM/AF; AF/A; A/P, khu vực	1989,1999,2009
26.	Tỷ lệ ly hôn và ly thân phân theo giới tính và nhóm tuổi ở Việt Nam, 2009	Nhóm tuổi; giới tính	2009
27.	Tỷ số ly hôn và ly thân phân theo giới tính và nhóm tuổi ở Việt Nam, 2009	Nhóm tuổi; giới tính	2009

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
28. Tỷ lệ đã kết hôn dưới 20 và dưới 18 tuổi ở các tỉnh, thành phố, Việt Nam 2009	Giới tính; tỉnh, thành phố	2009
29. Tỷ lệ và số lượng dân số từ 40 trở lên chưa từng kết hôn theo giới và nhóm tuổi ở Việt Nam năm 1999, 2009	Nhóm tuổi; giới tính	1999,2009
30. Tỷ lệ nam và nữ từ 40 tuổi trở lên chưa từng kết hôn theo nhóm tuổi và khu vực, Việt Nam 2009	Nhóm tuổi; khu vực	2009